TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2026/HS-PT
Ngày: 28 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 và 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2026/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Ngô Kiến H1, Nguyễn Lệ H2 và Nguyễn Văn Đ1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 750/2025/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các bị cáo có kháng cáo*:

1. Trần Thị T, sinh năm 1978, tại tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 0721780004648; địa chỉ thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần X; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H3, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1949; có chồng là Ngô Minh Đ, sinh năm 1987 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2023 cho đến nay (có mặt).

2. Hồ Quang P, sinh 2000, tại tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 072200012866; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh); địa chỉ tạm trú: Tổ F, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn P1, sinh năm 1979 và bà Võ Thị L, sinh năm 1977; có vợ tên Nguyễn Thị Thủy N, sinh năm 2000 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Ngô Minh Đ, sinh năm 1987, tại tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 072087000418; địa chỉ thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn L1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1960; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1978 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 30/12/2010, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 158 ngày 30/12/2010, đã được xóa án tích; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Ngô Kiến H1, sinh năm 2005, tại tỉnh Ninh Thuận; căn cước công dân số: 072205011771; địa chỉ thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Minh Đ, sinh năm 1987 và bà Trần Thị T, sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Nguyễn Lệ H2, sinh năm 1979, tại Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số: 074179000314; địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Công trình công cộng thành phố T; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1958; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Nguyễn Văn Đ1 (tên gọi khác: H3); sinh năm 1988, tại Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số: 074088003067; địa chỉ thường trú: Số E, đường Đ, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Nhân viên - Xí nghiệp Công trình công cộng thành phố T; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị Hồng Đ2, sinh năm 1986 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người bào chữa:*

1. Bào chữa cho các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ và Ngô Kiến H1:

- Luật sư Trương Thị Minh T1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

- Luật sư Hồ Thị Thanh T2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Bào chữa cho bị cáo Hồ Quang P: Luật sư Nguyễn Bảo A thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần X (viết tắt là Công ty X) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101992659 do Sở Kế hoach và Đầu tư tỉnh L cấp lần đầu ngày 08/10/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20/6/2022, vốn điều lệ: 14.000.000.000 đồng, ngành nghề: Vận chuyển rác thải không độc hại. Công ty X ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An, thu 1.000.000 đồng/tháng đối với doanh nghiệp có khối lượng rác thải ít và 2.000.000 đồng hoặc 3.000.000 đồng/tháng đối với các doanh nghiệp có khối lượng rác sinh hoạt nhiều để đem đến xử lý tại Công ty Cổ phần Đ3 tại huyện T, tỉnh Long An với đơn giá 500.000 đồng/tấn theo Hợp đồng số 11/2021/HĐSH/TSN-KH ngày 15/11/2021 giữa Công ty Đ3 với Công ty X.

Hợp tác xã M (viết tắt Hợp tác xã M) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã số 4605000016 do Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố T cấp lần đầu ngày 16/5/2018, vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng, ngành nghề: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận chuyển rác thải không độc hại. Từ năm 2019 đến năm 2023, Hợp tác xã M ký kết hợp đồng kinh tế với Xí nghiệp Công trình công cộng thành phố T (viết tắt Xí nghiệp C) về việc Hợp tác xã M thực hiện vận chuyển rác thải từ Trạm trung chuyển rác thải phường T (viết tắt Bô rác T), thành phố T đi xử lý tại Chi nhánh Xử lý chất thải thuộc Công ty cổ phần - (viết tắt Công ty B2) bằng xe ép rác chuyên dụng.

Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên là đơn vị sự nghiệp công lập, tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố T, có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng, mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng N4 và Ngân hàng C để hoạt động theo quy định, Thái Huỳnh N2 làm Giám đốc, Nguyễn Lệ H2 làm Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Nguyễn Văn Đ1 làm Quản lý Bô rác Tân Hiệp.

Phòng Tài nguyên và Môi Trường thành phố T (viết tắt là Phòng T) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố T, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố T quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường, trong đó có công tác quản lý công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố T. Phòng T đại diện cho Ủy ban nhân dân thành phố T (chủ đầu tư) ký kết hợp đồng với các đơn vị cung ứng dịch vụ công ích về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước (vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt). Phòng T do ông Nguyễn Tấn L2 làm Trưởng phòng.

Công ty B2 do ông Nguyễn Văn T3 làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, có công ty con là Công ty TNHH MTV B2 do ông là người đại diện theo pháp luật.

** Hành vi của Hồ Văn H4, Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Hồ Quang P và Ngô Kiến H1 trong việc trung chuyển rác thải sinh hoạt của thành phố T.*

Thoại, Đ hành nghề thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2001. Đến năm 2021, T thành lập Công ty X và quen biết với H4 vì là người cùng quê T, Tây Ninh. Thoại biết H4 làm Giám đốc Hợp tác xã M đang hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương và Hợp tác xã M có ký hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt của thành phố T, vận chuyển rác từ Bô rác Tân Hiệp đến nhà máy xử lý rác của Công ty B2 để xử lý, ngân sách Nhà nước chi trả tiền thuê xe cho Hợp tác xã M và chi trả tiền xử lý rác thải.

Tháng 10 năm 2022, T và H4 thỏa thuận, bàn bạc việc đưa rác thải sinh hoạt của Công ty X từ tỉnh Long An vận chuyển đến Công ty B2 bàn giao xử lý thông qua việc T đưa xe ô tô ép rác biển số 51D-121.71 (viết tắt xe ô tô 71) của T cho H4 để H4 lập thủ tục xin đăng ký bổ sung vào danh sách xe trung chuyển rác của thành phố T, nhằm mục đích để xe ô tô 71 được vận chuyển rác thải của Công ty X vào Công ty B2 bàn giao xử lý. H4 yêu cầu mỗi chuyến vận chuyển rác thải sinh hoạt của Công ty X đến Công ty B2 xử lý thì T trả cho H4 1.500.000 đồng thì T đồng ý thực hiện.

Sau đó, H4 đến Xí nghiệp C gặp Thái Huỳnh N2 xin bổ sung thêm 01 xe ô tô 71 ép rác vào danh sách xe trung chuyển rác của thành phố T và xin N2 cho phép xe này thu gom rác các hộ dân trên địa bàn phường T và phường T rồi vận chuyển thẳng đến Công ty B2 để xử lý, không vào Bô rác Tân Hiệp như các xe trung chuyển còn lại do Hợp tác xã M có ký kết hợp đồng thu gom rác sinh hoạt với Ủy ban nhân dân phường T và Ủy ban nhân dân phường T. Ngân chưa đồng ý và nói sẽ xem lại rồi trả lời sau. Ngân liên hệ ông Nguyễn Tấn L2 - Trưởng phòng Phòng T để xin chủ trương về việc cho phép Xí nghiệp C đăng ký bổ sung thêm xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển rác thải của thành phố T do B rác Tân Hiệp bị ùn ứ rác thải thì được ông L2 đồng ý. N2 thông báo cho H4 việc đồng ý cho đăng ký bổ sung xe ô tô 71 và nói H4 liên hệ Nguyễn Lệ H2 để làm thủ tục.

Sau khi N2 đồng ý, H4 gọi điện thoại yêu cầu T đến quán C1 của H4 tại phường T để bàn bạc. T đi cùng Minh Đ, H1 đến quán. Minh Đ nằm ngủ ngoài xe. T, H1 đi vào gặp H4 và P. Thoại thống nhất đưa giấy tờ xe ô tô 71 của T để H4 lập thủ tục đăng ký bổ sung vào danh sách xe trung chuyển rác của thành phố T. Các bên nhắc lại nội dung đã thống nhất trước đây là T phải trả cho H4 1.500.000 đồng/chuyến, số lượng vận chuyển 02 chuyến/ngày, chi phí nhiên liệu, bảo trì, sửa chữa, lương tài xế do T tự chi trả, đổi lại T không phải chi trả chi phí xử lý rác cho Công ty B2 đối với khối lượng rác của Công ty X do xe ô tô 71 vận chuyển đến Công ty B2. Hào được giao nhiệm vụ hàng tháng tập hợp phiếu cân của xe ô tô 71 đưa cho P gửi Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên và đưa cho H4 để tính số tiền T phải thanh toán cho H4 theo thỏa thuận. Ngoài ra, để che dấu nguồn gốc rác thải do xe ô tô 71, H4 hướng dẫn Thoại như sau: Khi có nhân viên Công ty B2 hỏi về nguồn gốc rác trên xe ô tô 71 thì phải trả lời là rác của thành phố T được lấy từ Bô rác T, nếu nói rác của tỉnh Long An thì Công ty B2 sẽ không tiếp nhận xử lý. Đồng thời, để đảm bảo H4 còn phân công P đi cùng với tài xế của T khoảng 02 đến 03 chuyến đầu để P trực tiếp hướng dẫn tài xế cách thức vào Công ty B2 bàn giao rác và cách thức trả lời nhân viên Công ty B2. Trên đường về, T nói lại toàn bộ sự việc cho Minh Đ nghe và Minh Đ, H1 đều thống nhất thực hiện theo các nội dung đã trao đổi với H4.

Sau khi H2 thông báo việc đăng ký bổ sung xe ô tô 71 đã hoàn thành và tiến hành cho xe ô tô 71 thực hiện trung chuyển rác, H4 điện thoại nói Thoại bắt đầu

vận chuyển rác thải của Công ty X đến Công ty B2 xử lý theo nội dung đã thỏa thuận.

Ngày 18/11/2022, H1 đi cùng tài xế (chưa rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe ô tô 71 vận chuyển rác thải sinh hoạt của Công ty X đến Công ty B2 xử lý. Trên đường đi, H1 đón P tại vòng xoay T, thành phố T. P hướng dẫn H1 cách thức bàn giao rác tại Công ty B2 và dặn nếu nhân viên Công ty B2 hỏi về nguồn gốc rác trên xe ô tô 71 thì phải nói rác lấy từ Bô rác T và không được trao đổi, nói chuyện với các tài xế xe khác để tránh bị phát hiện. Ngày 19/11/2022, Minh Đ điều khiển xe ô tô 71 vận chuyển rác từ Công ty X đến Công ty B2 xử lý, trên xe có H1 đi cùng. Lần này, H1 tiếp tục hẹn đón P và P tiếp tục hướng dẫn cho Minh Đ và H1 những nội dung như trên. Những chuyến sau, P không đi cùng mà do Minh Đ, H1 hoặc tài xế do Minh Đ thuê trực tiếp điều khiển xe ô tô 71 vận chuyển rác thải từ Công ty X đến Công ty B2 để bàn giao xử lý.

Quá trình vận chuyển rác thải sinh hoạt từ Công ty X đến Công ty B2 xử lý, H4 có gọi điện thoại hướng dẫn, dặn dò T về thời gian xe ô tô 71 vận chuyển rác qua cầu P phải tránh khung thời gian từ 06 giờ 00 sáng đến 08 giờ 00 sáng và từ 16 giờ 00 chiều đến 18 giờ 00 chiều để tránh thời gian nhân viên Công ty B2 đi làm và tan làm về. Nếu đi trùng giờ thì nhân viên Công ty B2 sẽ phát hiện xe ô tô 71 vận chuyển rác thải từ ngoài tỉnh đem về Thành phố Hồ Chí Minh xử lý. Thoại hướng dẫn lại cho Minh Đ, H1; sau đó Minh Đ chỉ đạo, điều hành các tài xế do Minh Đ thuê để thực hiện.

Đến tháng 12 năm 2022, T nhận thấy H4 không tốn chi phí gì mà còn được ngân sách Nhà nước chi trả tiền thuê xe trung chuyển rác đối với khối lượng rác do xe ô tô 71 vận chuyển từ Công ty X đi Công ty B2. T đề nghị giảm số tiền xuống còn 1.300.000 đồng/chuyến và H4 đồng ý.

Ngày 09/8/2023, tài xế Võ Thanh S điều khiển xe ô tô 71 vận chuyển rác thải sinh hoạt từ Công ty X đến Công ty B2 xử lý thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) phát hiện, tạm giữ phương tiện, lập hồ sơ xử lý theo quy định.

Căn cứ kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của H4 và T, xác định: Từ ngày 21/11/2022 đến ngày 15/6/2023, T chuyển khoản 10 lần cho H4 với tổng số tiền là 505.900.000 đồng; đây là tiền mà H4 và T thỏa thuận về việc T phải chi cho H4 từ 1.300.000 đồng/chuyến đến 1.500.000 đồng/chuyến để được vận chuyển rác thải sinh hoạt của Công ty X đến Công ty B2 bàn giao xử lý. Ngoài chi phí 505.900.000 đồng nêu trên, T không phải chi bất kỳ chi phí nào khác cho Công ty B2.

** Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Thái Huỳnh N2, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1.*

N2 là công chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố T. Tháng 9 năm 2021, N2 được điều động làm Phó Giám đốc Xí nghiệp C, được giao quản lý lĩnh vực sự nghiệp môi trường (dịch vụ vệ sinh đô thị và trung chuyển rác) và phụ trách Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật. Ngày 01/8/2023, N2 được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp C.

Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên được Phòng T giao thực hiện công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ Bô rác Tân Hiệp đi xử lý tại Công ty

B2, chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ chính xác của từng phiếu cân, đảm bảo theo đúng thực tế vận chuyển rác thải sinh hoạt và ghi chép nhật ký phương tiện vận chuyển rác thải đi xử lý hàng ngày, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi trả. Xí nghiệp C và Hợp tác xã M ký các Hợp đồng số 01/2022/HĐVCR ngày 03/01/2022, 47/2022/HĐVC ngày 01/10/2022 về việc thuê 10 xe của Hợp tác xã M trung chuyển rác thải sinh hoạt từ Bô rác T đến bàn giao cho Công ty B2 xử lý, thời gian: Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022.

Tháng 10/2022, T và H4 bàn bạc việc đem rác của Công ty X đến Công ty B2 để xử lý thông qua việc đưa xe ô tô 71 của T vào Hợp tác xã M. H4 nhiều lần xin N2 cho đưa thêm 01 xe ô tô vào danh sách xe trung chuyển của B rác Tân Hiệp để thu gom rác ở phường T, T rồi đi thẳng đến Công ty B2 để xử lý thì được N2 đồng ý.

Khoảng cuối tháng 10 năm 2022, N2 chỉ đạo H2 cho Hợp tác xã M đăng ký bổ sung thêm xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển rác và nói xe này sẽ tiến hành thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn phường T, phường T, rồi vận chuyển trực tiếp lên Công ty B2 để xử lý mà không vào Bô rác Tân Hiệp vì Hợp tác xã M đang hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt của phường T và phường T. Việc chỉ đạo trên, N2 đứng ở trước cửa phòng làm việc của H2 nói rõ và có Lê Thị Minh N3, Nguyễn Thị Ngọc Á cùng nghe thấy.

Theo chỉ đạo của N2, H2 trực tiếp tham mưu văn bản xin bổ sung thêm xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển rác của thành phố T và trình N2 ký ban hành Văn bản số 15/CV-CTCC ngày 08/11/2022, rồi chuyển hồ sơ, công văn cho bà Quách Thị Thanh T4 - Kế toán Phòng T. Sau đó, Phòng T gửi thông báo bổ sung xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển rác đến Công ty B2. H2 thông báo lại cho H4, N2 biết hồ sơ bổ sung xe đã hoàn thành, tiến hành cho xe ô tô 71 hoạt động vận chuyển rác thải đến Công ty B2 xử lý; đồng thời, H2 trực tiếp nói cho Nguyễn Văn Đ1 quản lý B rác T biết việc N2 chỉ đạo cho xe ô tô 71 đi thu gom rác của các hộ dân thuộc phường T, phường T rồi đi thẳng đến Công ty B2 để bàn giao xử lý rác mà không vào Bô rác T để lấy rác. Văn Đ1 đồng ý thực hiện và tiến hành ghi bổ sung khống các phiếu cân của xe ô tô 71 vào sổ nhật ký trung chuyển, sổ nhật ký thi công vào cuối mỗi tháng mặc dù xe ô tô 71 không vào Bô rác Tân Hiệp để trung chuyển rác đi xử lý.

** Quá trình Hợp tác xã M chi tiền cho Xí nghiệp C*

Sau mỗi đợt Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên chuyển tiền thanh toán cho Hợp tác xã M, H4 đều trích số tiền 10% từ năm 2019 đến năm 2021 và 08% từ năm 2022 trên số tiền thuê xe (chưa tính thuế GTGT) để hỗ trợ, bồi dưỡng cho Xí nghiệp C (Võ Thị Kim L3 giai đoạn năm 2019 - tháng 12/2021, N2 giai đoạn năm 2022). Việc này được H4 đưa bằng tiền mặt trực tiếp cho H2 tại phòng làm việc của H2. H2 qua phòng làm việc giao cho L3, N2. Số tiền sau khi nhận được L3 sử dụng thanh toán các khoản chi không quyết toán được của Xí nghiệp C, còn lại L3 chia cho Ban Giám đốc, Trưởng phòng, Tổ trưởng, nhân viên của Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên. Việc Hợp tác xã M chi số tiền từ 08% - 10% trên số tiền được quyết toán cho Xí nghiệp C là do H4 tự nguyện, không ai ép buộc hay yêu cầu phải chi tiền, tuy nhiên việc chi tiền hỗ trợ nêu trên không diễn ra

liên tục, H4 là người quyết định việc chi hay không chi và thường chi hỗ trợ vào dịp cuối năm hoặc khi HTX M nhận được số tiền quyết toán và có lợi nhuận.

Quá trình điều tra xác định năm 2018, khi N2 làm chuyên viên Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố T, N2 và Lê Trường Q1 - tài xế của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố T có góp tiền mua xe rác để vận chuyển rác cho Xí nghiệp C nhằm hưởng tiền thuê xe. Sau đó, N2 và Q1 còn góp tiền mua 04 xe ép rác biển số 61C-363.25, xe 61C-425.97, xe 61C-51.168 và xe 61C-51.199 để đưa vào Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên hoạt động trung chuyển rác thông qua việc gửi xe vào Hợp tác xã M. Các xe ép rác trên do Q1 đứng tên chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, riêng xe 61C-425.97 do ông Nguyễn Thành V - tài xế của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố T đứng tên chủ sở hữu. Sau khi nhận được tiền thuê xe từ Xí nghiệp C, Q1 sẽ trừ đi chi phí nhiên liệu, bảo trì, sửa chữa, tiền thuê tài xế, lơ xe,… và trừ 10% tiền thuế GTGT phải thanh toán cho Hợp tác xã M (do HTX T6 phải xuất hóa đơn GTGT), trừ 10% chi hỗ trợ, bồi dưỡng cho Xí nghiệp C, số tiền còn lại sẽ được chia đôi cho Q1, N2 mỗi người một nửa, riêng xe 61C-425.97 có chia cho V (mỗi người 1/3).

Đến khi N2 được giao phụ trách Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên, N2 không nhận tiền hỗ trợ, bồi dưỡng đối với các xe của Q1, chỉ nhận đối với các xe còn lại của Hợp tác xã M do H4 trực tiếp đưa tiền mặt đến Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên giao cho H2 và H2 giao lại cho N2.

Ngày 22/12/2022, Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV ban hành Thông báo số 1607/TB-KVIV về kết quả kiểm toán tại thị xã T, xác định tổng kinh phí ngân sách năm 2021 phải thu hồi do áp dụng không đúng đơn giá vận chuyển (xác định sai cự ly vận chuyển) là 3.067.665.201 đồng.

Ngày 18/01/2023, Xí nghiệp C chuyển khoản thanh toán 3.660.000.000 đồng tiền thuê xe vận chuyển rác 06 tháng cuối năm 2022 cho Hợp tác xã M. Do cần thu hồi số tiền vận chuyển xuất toán trong năm 2021 theo kết luận kiểm toán đối với xe 61C-397.43 của bà L4 với số tiền khoảng 342.000.000 đồng nên N2 nhờ H4 giữ lại số tiền trên của bà L4 và nhắc H4 lên nộp lại cho Xí nghiệp C để nộp trả ngân sách Nhà nước sau khi có hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. H4 đến Xí nghiệp C gặp H2 đưa số tiền khoảng 612.000.000 đồng, bao gồm: 342.000.000 đồng tiền xuất toán năm 2021 của xe bà L4, 60.000.000 đồng hỗ trợ chi phí tiếp đoàn kiểm toán (ăn uống, chỗ nghỉ, đi lại,…), 210.000.000 đồng tiền hỗ trợ đổ đá làm lối đi vào Bô rác T và hỗ trợ cho công nhân viên Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên dịp tết Nguyên đán 2023. H2 đã đưa toàn bộ số tiền trên cho N2 tại phòng làm việc của N2 và N2 đã chi hỗ trợ cho các công nhân viên xí nghiệp (trong đó có chi cho Hằng số tiền 45.000.000 đồng, chi cho Á 10.000.000 đồng), chi tiền làm tiệc liên hoan, du lịch cuối năm,… Ngày 19/7/2024, Xí nghiệp C nộp số tiền 3.067.665.201 đồng vào ngân sách Nhà nước theo nội dung kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV.

** Tính chất, mức độ, hậu quả thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.*

Từ ngày 18/11/2022 đến ngày 05/4/2023, H4 và T đã câu kết, móc nối sử dụng xe ô tô 71 vận chuyển 348 chuyến chở rác thải sinh hoạt của Công ty X đến Công ty B2 để bàn giao xử lý, với tổng khối lượng rác là 5.513,08 tấn. Phòng T đã

tiến hành nghiệm thu và chuyển khoản thanh toán toàn bộ chi phí vận chuyển, xử lý rác thải đối với 5.513,08 tấn rác trên từ nguồn ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 3.174.399.922 đồng (chi phí vận chuyển là 789.256.355 đồng, chi phí xử lý là 2.385.143.567 đồng).

Từ ngày 06/4/2023 đến ngày 11/6/2023: Xe ô tô 71 bị hư hỏng, sửa chữa nên không vận chuyển rác thải từ Công ty X đến bàn giao cho Công ty B2 xử lý nên không có phiếu cân bàn giao rác.

Từ ngày 12/6/2023 đến ngày 09/8/2023: H4 và T thống nhất giao xe ô tô 71 cho H4 quản lý (tài xế do H4 thuê) để thực hiện trung chuyển rác thải từ Bô rác T đi Công ty B2 vào ban ngày; ban đêm H4 giao xe cho P điều khiển xe ô tô 71 xuống Công ty X để vận chuyển rác về Hợp tác xã M, đậu xe chờ đến sáng hôm sau H4 giao cho tài xế khác của Hợp tác xã M vận chuyển đến Công ty B2 bàn giao xử lý. Căn cứ kết quả đối chiếu, xác định từ ngày 12/6/2023 đến ngày 09/8/2023, xe ô tô 71 thực hiện vận chuyển 47 chuyến, với tổng khối lượng rác vận chuyển từ Công ty X đến Công ty B2 bàn giao xử lý là 799,09 tấn. Công ty B2 đã bỏ ra chi phí xử lý là 423.057.525 đồng và dự kiến chi phí vận chuyển là 108.968.513 đồng sẽ thanh toán cho Hợp tác xã M. Số tiền trên Công ty B2 và Hợp tác xã M chưa được quyết toán.

* Như vậy tổng số tiền chiếm đoạt trong vụ án là: 3.706.425.960 đồng, trong đó:

- Tổng số tiền chiếm đoạt chi phí vận chuyển rác là: 898.224.868 đồng, trong đó H4 đã chiếm đoạt được là 139.220.554 đồng, chưa chiếm đoạt được là 759.004.304 đồng.

- Tổng số tiền chiếm đoạt chi phí xử lý rác là: 2.808.201.092 đồng, trong đó Ngân sách Nhà nước đã quyết toán chi phí xử lý rác là 2.385.143.567 đồng, Công ty B2 đã xử lý rác mà chưa được Ngân sách Nhà nước quyết toán là 423.057.525 đồng.

** Hành vi, vai trò của từng bị cáo như sau:*

1. Đối với Hồ Văn H4: Lợi dụng việc Xí nghiệp C ký hợp đồng thuê xe ép rác của Hợp tác xã M để thực hiện trung chuyển rác thải sinh hoạt của thành phố T đến Công ty B2 xử lý, được ngân sách Nhà nước chi trả tiền thuê xe, xử lý rác dựa trên khối lượng rác vận chuyển. H4 đã câu kết, móc nối với Trần Thị T giúp T đưa rác thải sinh hoạt của Công ty X từ tỉnh Long An vận chuyển đến Công ty B2 để xử lý bằng cách đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc rác thải do xe ô tô 71 vận chuyển đến Công ty B2 xử lý là rác thải sinh hoạt của thành phố T (lấy từ Bô rác T) và đưa ra thông tin gian dối khi lập thủ tục đăng ký bổ sung xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển rác của thành phố T (thực hiện thu gom rác phường T và phường T), nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền ngân sách Nhà nước phải chi trả tiền thuê xe ô tô 71 từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023 đối với khối lượng rác thải vận chuyển từ Bô rác T đi xử lý tại Công ty B2, cụ thể H4 đã chiếm đoạt được 139.220.554 đồng tiền thuê xe vận chuyển tháng 11, 12 năm 2022. Số tiền còn lại 759.004.304 đồng thuê xe vận chuyển từ tháng 01 năm 2023 đến ngày 09/8/2023, H4 chưa chiếm đoạt được do vụ việc bị phát hiện nhưng thực tế khối lượng rác do xe ô tô 71 vận chuyển là rác thải sinh hoạt của Công ty X. Đây là nguyên nhân

ngoài ý muốn nên H4 chưa đạt được mục đích chiếm đoạt số tiền nêu trên của ngân sách Nhà nước. Đồng thời, hành vi trên của H4 giúp sức cho T chiếm đoạt chi phí xử lý rác, gây thiệt hại do ngân sách Nhà nước phải chi trả cho Công ty B2 số tiền 2.385.143.567 đồng chi phí xử lý đối với 5.513,08 tấn rác thải sinh hoạt của Công ty X và chiếm đoạt số tiền của Công ty B2 423.057.525 đồng khi xử lý 799,09 tấn rác mà chưa được Ngân sách quyết toán. H4 còn thu lợi bất chính 505.900.000 đồng do T phải chi tiền cho H4 để được vận chuyển rác của Công ty X đến xử lý tại Công ty B2, số tiền này đã được H4 sử dụng vào mục đích cá nhân.

2. Đối với Trần Thị T: Biết rõ H4 đang hoạt động trung chuyển rác thải sinh hoạt của thành phố T và được ngân sách Nhà nước chi trả tiền thuê xe và tiền xử lý rác thải đối với khối lượng rác thải do H4 vận chuyển từ Bô rác T đến Công ty B2. Nếu khối lượng 6.312,17 tấn rác sinh hoạt mà Công ty X vận chuyển đến Công ty B2 xử lý từ tháng 11/2022 đến tháng 8/2023 xử lý tại Công ty Đ3 với giá 500.000 đồng/tấn thì Công ty X của T phải chi trả số tiền xử lý là 3.156.085.000 đồng, trong khi đó T chỉ phải trả cho H4 số tiền 505.900.000 đồng, vì có lợi nên T bàn bạc cùng với H4 để đưa 6.312,17 tấn rác thải sinh hoạt nêu trên của Công ty X đến Công ty B2 và T không phải thanh toán chi phí xử lý cho Công ty B2.

Vì mục đích lợi nhuận (giảm chi phí xử lý) T đã thống nhất với H4 đưa xe ô tô 71 của T để H4 đăng ký bổ sung vào danh sách xe trung chuyển rác của thành phố T và đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc rác thải do xe ô tô 71 vận chuyển đến Công ty B2 từ tháng 11/2022 đến tháng 08/2023 là rác thải sinh hoạt của thành phố T được lấy từ Bô rác T để được Công ty B2 tiếp nhận, xử lý 6.312,17 tấn rác của Công ty X. Thoại đã gây thiệt hại 2.385.143.567 đồng do ngân sách Nhà nước phải chi trả cho Công ty B2 toàn bộ chi phí xử lý đối với 5.513,08 tấn rác thải sinh hoạt của Công ty X. Đồng thời, T đã giúp sức cho H4 chiếm đoạt được số tiền 139.220.554 đồng trong tổng số tiền 898.224.868 đồng do ngân sách Nhà nước chi trả tiền thuê xe ô tô 71 vận chuyển từ tháng 11/2022 đến tháng 4/2023 (759.004.304 đồng chưa chiếm đoạt được do vụ việc bị phát hiện) và gây thiệt hại cho Công ty B2 423.057.525 đồng chi phí xử lý rác chưa được quyết toán.

3. Đối với Hồ Quang P (cháu ruột của H4): P được H4 giao thu gom rác các tuyến đường thuộc phường T, thành phố T do Hợp tác xã M có ký hợp đồng thu gom rác với Ủy ban nhân dân phường T. P được tự thu, tự chi và hưởng toàn bộ lợi nhuận từ việc thu gom rác nêu trên, không phải chi khoản tiền gì cho H4, ngược lại P có trách nhiệm giúp đỡ H4 trong quá trình điều hành hoạt động Hợp tác xã M. Mặc dù biết việc H4, T đưa rác thải của Công ty X từ tỉnh Long An về Công ty B2 xử lý và H4 được quyết toán tiền thuê xe vận chuyển, đồng thời ngân sách Nhà nước phải chi trả tiền xử lý rác của Công ty X là vi phạm pháp luật nhưng P vẫn tham gia bàn bạc với H4, T và H1 về việc đưa thông tin gian dối về nguồn gốc rác thải do xe ô tô 71 vận chuyển từ Công ty X đến Công ty B2 xử lý là rác thải sinh hoạt của thành phố T được lấy từ Bô rác T. Trong quá trình thực hiện, P đã trực tiếp đi cùng để hướng dẫn Ngô Kiến H1, Ngô Minh Đ cách thức gian dối, đối phó với nhân viên Công ty B2 để không bị phát hiện việc đem rác thải sinh hoạt từ tỉnh Long An về Thành phố Hồ Chí Minh xử lý và giúp H4 nhận phiếu cân của xe ô tô 71 từ Hào sau đó nộp cho Xí nghiệp C để quyết toán tiền thuê xe, từ đó giúp sức cho H4 chiếm đoạt được 139.220.554 đồng tiền thuê xe vận chuyển tháng 11, 12

năm 2022 và giúp sức cho T gây thiệt hại 2.385.143.567 đồng do ngân sách Nhà nước phải chi trả cho Công ty B2 toàn bộ chi phí xử lý đối với 5.513,08 tấn rác thải sinh hoạt của Công ty X và gây thiệt hại cho Công ty B2 423.057.525 đồng để xử lý 799,09 tấn rác.

4. Đối với Ngô Minh Đ (chồng của T): Thông qua T biết H4 đang hoạt động trung chuyển rác thải sinh hoạt của thành phố T, được hưởng tiền vận chuyển rác do ngân sách Nhà nước chi trả. Minh Đ biết rõ việc đem rác thải sinh hoạt của Công ty X về Công ty B2 xử lý là vi phạm pháp luật, nhưng do là công ty gia đình và vì mục đích lợi nhuận (giảm chi phí xử lý) nên Minh Đ đồng ý, thống nhất cùng thực hiện theo hướng dẫn của H4 và T về việc đưa thông tin gian dối nguồn gốc rác thải do xe ô tô 71 vận chuyển đến Công ty B2 xử lý là rác thải sinh hoạt của thành phố T được lấy từ Bô rác T, che giấu nguồn rác thải nêu trên là của Công ty X thu gom, vận chuyển từ tỉnh Long An đến Công ty B2 xử lý. Quá trình thực hiện, Minh Đ trực tiếp tham gia điều khiển xe và là người trực tiếp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các tài xế do Minh Đ thuê để điều khiển xe ô tô 71 vận chuyển rác thải của Công ty X đến Công ty B2. Hành vi trên của Minh Đ giúp sức cho T gây thiệt hại 2.385.143.567 đồng do ngân sách Nhà nước chi trả cho Công ty B2 toàn bộ chi phí xử lý đối với 5.513,08 tấn rác thải sinh hoạt của Công ty X; gây thiệt hại cho Công ty B2 423.057.525 đồng để xử lý 799,09 tấn rác và giúp sức cho H4 chiếm đoạt được 139.220.554 đồng tiền thuê xe vận chuyển tháng 11, 12 năm 2022.

5. Đối với Ngô Kiến H1, sinh ngày 09/10/2005 (con của T): Ngày 18/11/2022 khi đó H1 được 17 tuổi 01 tháng 09 ngày, thông qua Thoại biết H4 đang hoạt động trung chuyển rác thải sinh hoạt của thành phố T, được hưởng tiền vận chuyển rác do ngân sách Nhà nước chi trả, H1 tham gia bàn bạc, biết rõ việc đem rác thải sinh hoạt của Công ty X về Công ty B2 xử lý là vi phạm pháp luật, nhưng do là công ty gia đình và vì mục đích lợi nhuận (giảm chi phí xử lý) nên H1 đồng ý, thống nhất cùng thực hiện theo hướng dẫn của H4 và T về việc đưa thông tin gian dối nguồn gốc rác thải do xe ô tô 71 vận chuyển đến Công ty B2 xử lý là rác thải sinh hoạt của thành phố T được lấy từ Bô rác T, che giấu nguồn rác thải nêu trên là của Công ty X thu gom, vận chuyển từ tỉnh Long An đến Công ty B2 xử lý. Quá trình thực hiện, H1 trực tiếp tham gia 70 chuyến vận chuyển chất thải từ Công ty X đến Công ty B2 xử lý và hàng tháng H1 là người được giao nhiệm vụ tập hợp phiếu cân của xe ô tô 71 để đưa cho P. Hành vi của H1 giúp sức cho T gây thiệt hại 2.385.143.567 đồng do ngân sách Nhà nước chi trả cho Công ty B2 toàn bộ chi phí xử lý đối với 5.513,08 tấn rác thải sinh hoạt của Công ty X; gây thiệt hại cho Công ty B2 423.057.525 đồng để xử lý 799,09 tấn rác và giúp sức cho H4 chiếm đoạt được 139.220.554 đồng tiền thuê xe vận chuyển tháng 11, 12 năm 2022.

6. Đối với Thái Huỳnh N2: Biết rõ xe ô tô 71 thực tế không vào Bô rác Tân Hiệp để vận chuyển rác đưa đi Công ty B2 xử lý và cũng không phải là xe thu gom rác sinh hoạt từ Ủy ban nhân dân phường T, phường T (không có trong hợp đồng thu gom rác) và nhận thức rõ việc đăng ký bổ sung xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển của thành phố T là trái quy định. Tuy nhiên, N2 vì vụ lợi đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ đạo, giải quyết đăng ký bổ sung xe ô tô 71 của Hợp tác xã M vào danh sách xe trung chuyển rác của Xí nghiệp C và đồng ý cho xe ô tô 71 thu

gom, vận chuyển rác đến Công ty B2 xử lý trái quy định, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 3.174.399.922 đồng, trong đó chi phí vận chuyển là 898.224.868 đồng, chi phí xử lý là 2.385.143.567 đồng và gây thiệt hại cho Công ty B2 423.057.525 đồng (do Ngân sách Nhà nước chưa quyết toán).

7. Đối với Nguyễn Lệ H2: Biết rõ xe ô tô 71 thực tế không vào Bô rác Tân Hiệp để vận chuyển rác đưa đi Công ty B2 xử lý và không phải là xe thu gom rác sinh hoạt từ Ủy ban nhân dân phường T, phường T (không có trong hợp đồng thu gom rác) và nhận thức rõ việc đăng ký bổ sung xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển của thành phố T là trái quy định. Tuy nhiên, vì vụ lợi H2 vẫn lập thủ tục đăng ký bổ sung xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển rác của Xí nghiệp C theo chỉ đạo của N2 và lập, ký hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán chi phí vận chuyển, xử lý rác thải của xe ô tô 71 trái quy định, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 3.174.399.922 đồng, trong đó chi phí vận chuyển là 898.224.868 đồng, chi phí xử lý là 2.385.143.567 đồng và gây thiệt hại cho Công ty B2 423.057.525 đồng (do Ngân sách Nhà nước chưa quyết toán).

8. Đối với Nguyễn Văn Đ1: Được Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên giao trách nhiệm quản lý Bô rác Tân Hiệp và tập hợp phiếu cân, ghi chép sổ nhật ký trung chuyển, sổ nhật ký thi công gửi về Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật để thực hiện thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023, Văn Đ1 biết rõ xe ô tô 71 không phải là xe thu gom rác từ Ủy ban nhân dân phường T, phường T (không có trong hợp đồng thu gom rác) và biết rõ xe không vào Bô rác Tân Hiệp vận chuyển rác đi Công ty B2 xử lý nhưng Văn Đ1 vẫn thực hiện theo chỉ đạo của H2, N2 tiến hành ghi chép bổ sung khống vào sổ nhật ký trung chuyển, nhật ký thi công đối với các phiếu cân của xe ô tô 71, xác nhận khối lượng rác do xe ô tô 71 vận chuyển đến Công ty B2 xử lý có nguồn gốc từ Bô rác T, sau đó chuyển toàn bộ phiếu cân kèm sổ nhật ký trung chuyển, nhật ký thi công cho H2 để thực hiện thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 3.174.399.922 đồng, trong đó chi phí vận chuyển là 898.224.868 đồng, chi phí xử lý là 2.385.143.567 đồng và gây thiệt hại cho Công ty B2 423.057.525 đồng. Văn Điền biết rõ hành vi trên là sai phạm, không đúng thực tế công tác trung chuyển rác nhưng do H2, N2 chỉ đạo và Văn Đ1 là cấp dưới nên phải thực hiện nếu không sẽ bị đuổi việc (mất nguồn thu nhập), không cho làm quản lý Bô rác Tân Hiệp.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ những vật chứng, đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án:

- Thu giữ của Trần Thị T và Công ty K: Số tiền 500.000.000 đồng; 01 CPU máy vi tính, màu xanh, bên ngoài có chữ "VSPTECH"; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng; 01 con dấu của Công ty TNHH X, hình tròn, mực đỏ, nội dung hình dấu "CÔNG TY TNHH XỬ LÝ CHẤT THẢI KIẾN HÀO - M.S.D.N 1101992659 - C.T.T.N.H.H - H - T. LONG AN"; 01 con dấu của Công ty TNHH K1, hình tròn, mực đỏ, nội dung hình dấu "CÔNG TY TNHH K1 - M.S.D.N 1102017244 - C.T.T.N.H.H - TỈNH LONG AN"; 01 mộc dấu tên, mực đỏ, ghi nội dung "GIÁM ĐỐC Trần Thị T"; 01 USB token màu bạc, có ghi dãy số "5405220416054748"; xe ô tô chở rác, nhãn hiệu DEAWOO, biển số 51D-121.71,

giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thu giữ của Ngô Minh Đ: Số tiền 150.000.000 đồng.

- Thu giữ của Hồ Văn H4: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Samsung; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu vàng đồng; số tiền 239.000.000 đồng và kê biên tài sản Quyền sử dụng đất thửa đất số 1302, tờ bản đồ số 44, tại khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh của H4.

- Thu giữ của Nguyễn Lệ H2: 01 CPU máy vi tính màu đen, ghi nhãn hiệu "eMaster"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ và số tiền 45.000.000 đồng.

- Thu giữ của Thái Huỳnh N2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 và số tiền 210.000.000 đồng.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc Á: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh dương và số tiền 10.000.000 đồng.

- Thu giữ của Hồ Quang P: Số tiền 20.000.000 đồng.

*Căn cứ Kết luận giám định số 605/KL-KTHS ngày 16/10/2023, Phòng K2 Công an Thành phố H kết luận, trích xuất nhiều tin nhắn messenger, zalo có tập tin (Excel, PowerPoint, W, ZIP, PDF, RAR), hình ảnh, âm thanh, video; ứng dụng cuộc gọi bằng điện thoại để phục vụ công tác điều tra, được lưu trong USB có chữ Kingston, dung lượng 64GB (bút lục 5548).

*Căn cứ Kết luận giám định số 2565/KL-KTHS ngày 24/6/2024, Phòng K2 Công an Thành phố H kết luận, trích xuất nhiều cuộc gọi điện thoại, tin nhắn messenger, zalo có tập tin (Word, E, PDF, ZIP, PowerPoint, RAR), hình ảnh, âm thanh, video để phục vụ công tác điều tra, được sao lưu trong 03 USB có chữ Kingston, dung lượng 16GB/ USB (bút lục 6548).

*Kết luận giám định số 3208/KL-KTHS ngày 02/7/2024, Phòng K2 Công an Thành phố H kết luận: Xe ô tô, nhãn hiệu DAEWOO, biển số 51D-121.71 có số khung KL3K7CEF1GK000954, số máy DE12TIS653982CA, không đổi, không phát hiện cắt hàn, đục sửa (bút lục 7362).

Tại Cáo trạng số 181/CT-VKSBD-P1 ngày 27/6/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố:

- Các bị cáo Hồ Văn H4, Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Hồ Quang P và Ngô Kiến H1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo Thái Huỳnh N2, Nguyễn Lệ H2 và Nguyễn Văn Đ1 về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 750/2025/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Hồ Quang P và Ngô Kiến H1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (ở giai đoạn phạm tội chưa đạt); Các bị

cáo Nguyễn Lệ H2 và Nguyễn Văn Đ1 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2023.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Ngô Minh Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Hồ Quang P 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 119, 120, 124 của Luật Tư pháp người chưa thành niên;

Xử phạt bị cáo Ngô Kiến H1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tòa tuyên án.

Giao bị cáo Ngô Kiến H1 cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm b, v, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lệ H2 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.6. Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Hồ Văn H4, Thái Huỳnh N2; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 04/12/2025, các bị cáo Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 kháng cáo xin hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt, xin xem xét lại phần án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 05/12/2025, bị cáo Hồ Quang P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự và phần án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 05/12/2025, bị cáo Ngô Kiến H1 kháng cáo đề nghị xem xét lại phần án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 05/12/2025, bị cáo Ngô Minh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, xem xét lại về phần án phí dân sự sơ thẩm; đề nghị xem xét đưa số tiền 505.900.000 đồng mà vợ bị cáo đã chuyển cho bị cáo H4 vào tiếp tục khắc phục hậu quả; đề nghị cho bị cáo nhận lại xe ô tô chở rác, nhãn hiệu DEAWOO, biển kiểm soát 51D-121.71 là xe thuộc sở hữu của Công ty gia đình bị cáo.

- Ngày 12/12/2025, bị cáo Trần Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin nhận lại số tiền 505.900.000 đồng đã chuyển cho bị cáo H4 để đưa vô khắc phục hậu quả, xin nhận lại ô tô tải, biển số 121.71 của gia đình bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi:

1.1. Các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ và người bào chữa cho các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bị cáo T, bị cáo Đ và bị cáo H1 là gia đình cùng bị xét xử trong vụ án này. Trong giai đoạn giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo đã nộp thêm số tiền 250.000.000 đồng để khắc phục hậu quả vụ án. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ 02 bên đều lớn tuổi, già yếu và có nhiều bệnh, cần người chăm sóc. Gia đình các bị cáo có nhiều đóng góp cho địa phương trong công tác thiện nguyện, xã hội. Từ đó, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt, cho bị cáo Minh Đ được hưởng án treo. Ngoài ra, số tiền 505.900.000 đồng các bị cáo đã đưa cho H4 là tiền xử lý rác, không liên quan đến vụ án này nên đề nghị bị cáo H4 trả lại để khắc phục hậu quả vụ án; Các bị cáo xin nhận lại ô tô tải, biển số 121.71 là của gia đình các bị cáo; Bị cáo Đ xin xem xét về phần án phí sơ thẩm.

1.2. Bị cáo Hồ Quang P và người bào chữa cho bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: : Tại cấp sơ thẩm bị cáo khắc phục 40.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp 60.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo đã khắc phục 100.000.000 đồng. Vai trò bị cáo thứ yếu, bị cáo không có hưởng lợi, thực hiện vì sự giúp đỡ cho H4 (chú cháu), bị cáo là lao động chính, con sinh năm 2023, cha mẹ hơn 70 tuổi, gia đình có truyền thống cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương kháng chiến. Ngoài ra, bị cáo kháng cáo

xin xem xét lại về phần trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm. Từ đó, xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

1.3. Bị cáo Nguyễn Lệ H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tại cấp phúc thẩm bị cáo có nộp thêm 20.000.000 đồng, tại cấp sơ thẩm bị cáo nộp 45.000.000 đồng, đang nuôi cha mẹ già, 01 đứa em bị tai biến và 02 con nhỏ, là mẹ đơn thân có xác nhận của địa phương, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và xem xét lại phần án phí sơ thẩm.

1.4. Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 xin rút yêu cầu kháng cáo, nhưng sau đó vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tại phúc thẩm bị cáo đã nộp 50.000.000 đồng, bị cáo chỉ là tài xế xe cuốc, vai trò hạn chế, xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo về phần hình phạt và án phí sơ thẩm.

1.5. Bị cáo Ngô Kiến H1 đã rút yêu cầu kháng cáo theo Đơn xin rút kháng cáo ngày 16/3/2026.

2. Phần tranh luận

2.1.Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Ngô Kiến H1 và Nguyễn Văn Đ1 đã rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 02 bị cáo.

Đối với kháng cáo của 04 bị cáo còn lại; Mức án sơ thẩm xử các bị cáo là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo. Đối với kháng cáo của bị cáo Ngô Minh Đ và Trần Thị T về việc xin nhận lại số tiền 505.900.000 đồng đồng đã đưa cho H4 và xin lại chiếc oto chở rác: Đây là vật chứng vụ án nên Bản án sơ thẩm tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ. Đối kháng cáo liên quan đến số tiền các bị cáo đã nộp hiện đang bị tạm giữ: Bản án sơ thẩm tuyên chuyển qua cho khắc phục cho các bị hại là có căn cứ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.2. Người bào chữa cho các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ trình bày: Bị cáo T kháng cáo phần tiền 505.900.000 đồng đồng và xin nhận lại chiếc xe oto chở rác. Vì số tiền này bị cáo T đã đưa cho H4 để trả tiền xử lý rác, số tiền này và chiếc xe oto không liên quan đến hành vi phạm tội nên yêu cầu buộc H4 nộp lại số tiền để khắc phục hậu quả vụ án và không tịch thu chiếc xe oto để sung quỹ Nhà nước.

Về phần hình phạt: Trong vụ án này bị cáo T không phải là người đề xuất, không nhận tiền từ ngân sách Nhà nước của tỉnh Bình Dương, do quen biết H4 nên H4 thuê T xử lý rác với số tiền 150 triệu đồng/chuyến, trong quá trình chuyển rác từ Long An về Bình Dương, các chuyến xe đều có phiếu chuyển và chuyển cho bị cáo H4 mỗi tháng để trả tiền xử lý rác, ý thức chủ quan ban đầu của bị cáo T không ý định lừa đảo, chỉ là tiền xử lý rác. Quá trình điều tra, bị cáo T trình bày nếu biết H4 bỏ túi riêng số tiền này thì bị cáo không dám thực hiện. Trong quá trình điều tra, xét xử gia đình bị cáo T đã khắc phục 1,450 tỷ đồng.

Hậu quả vụ án còn lại chỉ hơn 200 triệu đồng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét các tình tiết gia đình bị cáo có nhiều đóng góp cho địa phương, hàng năm ủng hộ quà cho người nghèo, dịp tết lễ cho địa phương được tặng thư cảm ơn.

Đối với bị cáo Ngô Minh Đ: Trong quá trình điều tra đã thể hiện bị cáo không có sự bàn bạc câu kết với H4, chỉ trao đổi với bị cáo T.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, vì các bị cáo có ý thức tích cực hậu quả, bản thân các bị cáo có nhận thức pháp luật hạn chế, đã ăn năn hối cải, thực chất họ chỉ là những người lao động chân tay. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo T và bị cáo Ngô Minh Đ rất khó khăn, cha mẹ đều lớn tuổi, có nhiều bệnh không thể tự chăm sóc, xin xem xét cho bị cáo Ngô Minh Đ được hưởng án treo. Ngoài ra, xin Hội đồng xét xử xem xét phần án phí cho tất cả các bị cáo.

2.3. Người bào chữa cho bị cáo Hồ Quang P trình bày: Bị cáo P có vai trò thứ yếu, không phải là người chủ mưu, không giữ vai trò quyết định, không có vụ lợi, phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, xin xem xét hoàn cảnh bị cáo cha mẹ già con nhỏ, gia đình có công cách mạng. Từ đó xin giảm hình phạt và đủ điều kiện được cho hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phải trừ phần tiền các bị cáo đã nộp là hơn 2,1 tỷ đồng hiện đang bị tạm giữ và xác định số tiền còn lại mà tất cả các bị cáo phải nộp hơn 600 triệu đồng.

2.4. Bị cáo Nguyễn Lệ H2 trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh điều kiện phạm tội của bị cáo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ đơn thân, con còn nhỏ, cha già, em bị liệt.

2.5. Kiểm sát viên trình bày đối đáp: Tại phiên tòa phúc thẩm, các tình tiết giảm nhẹ mới do các bị cáo cung cấp không đủ cơ sở để xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo, mức án sơ thẩm xử các bị cáo là có căn cứ. Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm.

3. Phần các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét các nội dung đã trình bày và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Ngô Kiến H1, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Kiến H1 tự nguyện rút kháng cáo theo Đơn xin rút đơn kháng cáo ngày 16/3/2026. Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 xin rút yêu cầu kháng cáo, nhưng sau đó thay đổi ý kiến trình bày và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bị cáo H1 là tự nguyện,

đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo Ngô Kiến H1. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1, bị cáo đã tự nguyện xin rút yêu cầu kháng cáo nhưng sau đó thay đổi ý kiến trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bị cáo, Hội đồng xét xử vẫn nhận định, xem xét yêu cầu kháng cáo mà không đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ1.

[2] Về nội dung: Qua lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Xí nghiệp C (Xí nghiệp) được Phòng T giao thực hiện công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ Bô rác Tân Hiệp đi xử lý tại Công ty B2, chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ chính xác của từng phiếu cân, đảm bảo theo đúng thực tế vận chuyển rác thải sinh hoạt và ghi chép nhật ký phương tiện chuyển rác thải đi xử lý hàng ngày, sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước chi trả.

Xí nghiệp ký các hợp đồng với Hợp tác xã M (do Hồ Văn H4 làm Giám đốc) thuê xe của Hợp tác xã M rác thải từ Bô rác Tân Hiệp đến Công ty B2, trong đó Hợp tác xã M được chi trả tiền thuê xe ô tô vận chuyển rác. Sau mỗi đợt nhận tiền Xí nghiệp thanh toán thuê xe vận chuyển rác, H4 tự quyết định trích 8%-10% số tiền thuê xe cho Xí nghiệp để hỗ trợ, bồi dưỡng Xí nghiệp.

[2.1.1] Hành vi của các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ:

Tháng 10/2022, Trần Thị T và Hồ Văn H4 bàn bạc về việc đem rác thải sinh hoạt của Công ty X (do Trần Thị T làm Giám đốc) từ tỉnh Long An đến Công ty B2 để xử lý, thông qua việc đưa xe ô tô rác biển số 51D-121.71 (xe ô tô 71) của T vào Hợp tác xã M và đưa thông tin gian dối về nguồn gốc rác do xe ô tô 71 chở tới Công ty B2 là rác thải sinh hoạt của thành phố T (lấy từ Bô rác T), để Xí nghiệp tin tưởng ký hợp đồng thuê xe và đăng ký bổ sung xe 71 làm phương tiện trung chuyển rác đưa đến Công ty B2.

Sau khi được Xí nghiệp đồng ý, các bị cáo H4, T, Hồ Quang P (cháu ruột của H4), Ngô Kiến H1 (con ruột của T) cùng tham gia thỏa thuận, thống nhất về việc thực hiện hành vi vi phạm. P trực tiếp đi cùng để hướng dẫn H1, Ngô Minh Đ (chồng bị cáo T) cách thức gian dối, đối phó với nhân viên Công ty B2 để không bị phát hiện về nguồn gốc rác, hàng tháng H1 tập hợp phiếu cân của xe ô tô 71 để đưa cho P; Minh Đ đồng ý, thống nhất thực hiện theo hướng dẫn của T, trực tiếp tham gia điều khiển xe, thuê và chỉ đạo, phân công nghiệm vụ cho các tài xế do Minh Đ thuê để điều khiển xe ô tô số 71 vận chuyển rác của Công ty X đến Công ty B2. Mỗi chuyến xe vận chuyển rác từ công ty X về công ty B2, T trả cho H4 từ 1.300.000 đồng đến 1.500.000 đồng/chuyến. H4 thu của T tổng cộng 505.900.000 đồng.

Từ ngày 18/11/2022 đến ngày 09/8/2023, xe ô tô 71 đã vận chuyển 395 chuyến chở rác thải sinh hoạt của Công ty X đưa đến Công ty B2 với tổng khối

lượng rác là 6.312,17 tấn, gây thiệt hại cho Phòng T tổng số tiền 3.174.399.922 đồng, trong đó chi phí xử lý rác đã quyết toán cho Công ty B2 là 2.385.143.567 đồng, chi phí trả tiền thuê xe ô tô vận chuyển rác là 898.224.868 đồng (nhưng H4 chỉ mới chiếm đoạt được 139.220.554 đồng, còn 759.004.304 đồng chưa chiếm đoạt được do vụ việc bị phát hiện), gây thiệt hại cho Công ty B2 423.057.525 đồng chi phí xử lý rác chưa được quyết toán. Tổng số tiền thiệt hại trong vụ án là 3.597.457.447 đồng.

[2.1.2] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1:

Để thực hiện hành vi dùng xe ô tô số 71 vận chuyển rác cho Công ty X, H4 xin Thái Huỳnh N2 cho đưa thêm 01 xe ô tô vào danh sách xe trung chuyển của B rác Tân Hiệp nhưng để thu gom rác ở phường T, phường T - thành phố T rồi đi thẳng đến Công ty B2 để xử lý mà không vào Bô rác Tân Hiệp thì được N2 đồng ý. Ngân chỉ đạo Nguyễn Lệ H2 (Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Xí nghiệp) cho Hợp tác xã M đăng ký bổ sung xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển rác và nói xe này sẽ thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn phường T, phường T, rồi vận chuyển trực tiếp lên Công ty B2 mà không vào Bô rác Tân Hiệp; H2 trực tiếp tham mưu văn bản xin bổ sung thêm xe ô tô 71 và trình N2 ký Văn bản số 15/CV-CTCC ngày 08/11/2022 chuyển hồ sơ cho Phòng T. Sau khi Phòng T gửi thông báo bổ sung xe ô tô 71 vào danh sách xe trung chuyển rác đến Công ty B2 thì H2 thông báo lại cho H4, N2 biết hồ sơ bổ sung xe đã hoàn thành, tiến hành cho xe ô tô 71 hoạt động. Đồng thời, H2 nói cho nhân viên quản lý Bô rác Tân Hiệp là Nguyễn Văn Đ1 biết việc N2 chỉ đạo cho xe ô tô 71 đi thu gom rác rồi vận chuyển thẳng đến Công ty B2 mà không vào Bô rác Tân Hiệp lấy rác, để Văn Đ1 tiến hành ghi bổ sung khống các phiếu cân của xe ô tô 71 vào sổ nhật ký trung chuyển, sổ nhật ký thi công vào cuối mỗi tháng. Hành vi của các bị cáo N2, H2, Văn Đ1 đã tạo điều kiện để nhóm các bị cáo Hồ Văn H4, Trần Thị T và đồng phạm dùng xe ô tô số 71 chở rác từ Công ty X đến Công ty B2 xử lý, gây thiệt hại cho Phòng T số tiền 3.174.399.922 đồng, gây thiệt hại cho Công ty B2 số tiền 423.057.525 đồng.

[2.3] Các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ nhận thức được việc đưa thông tin gian dối về nguồn gốc rác thải, khiến Xí nghiệp C, Công ty B2 tin tưởng, thực hiện xử lý rác, thanh toán, quyết toán chi phí vận chuyển là hành vi trái pháp luật nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm tài sản Nhà nước, gây thiệt hại cho Ngân sách và Công ty B2, mà còn gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 là người có chức vụ, quyền hạn trong Xí nghiệp Công trình công cộng Tân Uyên, biết thực tế xe ô tô số 71 không vào Bô rác Tân Hiệp để vận chuyển rác đưa đến B, không phải xe thu gom rác thải sinh hoạt của phường T, phường T nhưng vẫn đăng ký bổ sung, hợp thức hóa phiếu cân cho xe ô tô số 71, nhận thức được đây là hành vi trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, vì Xí Nghiệp vẫn nhận được tiền hỗ trợ,

bồi dưỡng của bị cáo H4. Hành vi của các bị cáo H2, Văn Đ1 không chỉ xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan, tổ chức, mà còn tạo điều kiện để nhóm các bị cáo H4, T và đồng phạm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại Ngân sách, thiệt hại cho doanh nghiệp.

[2.3] Với hành vi nêu tại mục [2.1] và nhận định tại mục [2.2] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xét xử các bị cáo Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản": Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ:

Đây là vụ án có đồng phạm, trong đó bị cáo T là người trực tiếp thỏa thuận với bị cáo Hồ Văn H4 về việc thực hiện hành vi phạm tội, chỉ đạo các bị cáo Ngô Kiên H5, Ngô Minh Đ thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Hồ Quang P tham gia với vai trò giúp sức, hướng dẫn các bị cáo Ngô Kiến H1, Ngô Minh Đ thực hiện hành vi phạm tội theo thỏa thuận với bị cáo T. Do đó, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo P, Minh Đ.

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, xem xét vai trò của các bị cáo trong đồng phạm, xem xét nhân thân; xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo T còn xúi giục bị cáo H1 phạm tội trong khi H1 dưới 18 tuổi, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường, khắc phục một phần hậu quả của vụ án, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo T, P có người thân có công với Cách mạng, ngoài ra bị cáo P là lao động chính đang nuôi con nhỏ, trình độ học văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, là các tình tiết quy định tại điểm s, t, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 07 (B1) năm tù, các bị cáo P, Minh Đ mỗi bị cáo 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù cùng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại cho Phòng T số tiền 3.174.399.922 đồng, thiệt hại cho Công ty B2 số tiền 423.057.525 đồng, trong đó bị cáo H4 đã thực tế được chi trả tiền thuê xe chở rác là 139.220.554 đồng, Phòng T đã quyết toán chi phí xử lý rác cho Công ty B2 là 2.385.143.567 đồng, còn 423.057.525 đồng chi phí Công ty B2 xử lý rác chưa được quyết toán, tổng cộng thực tế phát sinh lớn hơn mức tối thiểu định

khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự *"Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"*. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội chưa đạt, áp dụng quy định tại Điều 15, 57 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt như trên là chưa tương xứng với tính, chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, nhẹ so với khung hình phạt mà các bị cáo truy tố, xét xử. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T nhưng xử phạt bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo P, Minh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, các bị cáo tự nguyện nộp thêm số tiền để bảo đảm khắc phục hậu quả: bị cáo T và bị cáo Minh Đ tự nguyện nộp 250 triệu đồng; bị cáo P tự nguyện nộp 60 triệu đồng, ngoài ra không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nào khác, các tình tiết mà các bị cáo trình bày tại cấp phúc thẩm thì đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng.

Bị cáo T, Minh Đ và người bào chữa trình bày Bản án sơ thẩm chưa xem xét gia đình bị cáo T, Minh Đ có nhiều đóng góp cho địa phương, ủng hộ quà cho người nghèo, được tặng thư cảm ơn. Nhưng theo nhận định nêu trên, hình phạt Bản án sơ thẩm tuyên xử các bị cáo là nhẹ, tại cấp phúc thẩm các bị cáo chỉ nộp thêm tiền khắc phục hậu quả, đề nghị xem xét lại tình tiết giảm nhẹ chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Xét thấy các tình tiết này không làm thay đổi tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ": Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, xem xét vai trò của các bị cáo trong vụ án; các bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, có nhân thân tốt, là các tình tiết quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo H2 đã tự nguyện nộp tiền bồi thường, khắc phục một phần hậu quả của vụ án, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, được Ủy ban nhân dân thành phố T tặng nhiều giấy khen, bị cáo có cô ruột là Liệt sĩ, gia đình có công với Cách mạng, là các tình tiết quy định tại điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H2 05 (năm) năm tù, bị cáo Văn Đ1 04 (bốn) năm tù cùng về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của các bị cáo đã tạo điều kiện cho nhóm các bị cáo T, H4 gây thiệt hại cho Phòng T số tiền 3.174.399.922 đồng, thiệt hại cho Công ty B2 số tiền 423.057.525 đồng. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo là nhẹ, trong đó bị cáo Văn Đ1 không thuộc trường hợp "người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể", ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự nhưng xử phạt bị cáo Đ1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn (dưới 02 khung hình phạt) là chưa phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo H2, Văn Đ1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo, các bị cáo tự nguyện nộp thêm số tiền để bảo đảm khắc phục hậu quả: Bị cáo Văn Đ1 tự nguyện nộp 50 triệu đồng; bị cáo H2 tự nguyện nộp 20 triệu đồng, ngoài ra không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nào khác, các tình tiết mà các bị cáo trình bày tại cấp phúc thẩm thì đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng.

Theo nội dung nhận định nêu trên, hình phạt Bản án sơ thẩm tuyên xử các bị cáo là nhẹ, tại cấp phúc thẩm các bị cáo chỉ nộp thêm tiền khắc phục hậu quả, trong đó Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự *"Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả"* đối với bị cáo Văn Đ1, nhưng xét thấy các tình tiết này không làm thay đổi tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo H2, Văn Đ1 gây ra.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ đề nghị đưa số tiền 505.900.000 đồng mà bị cáo T đã chuyển cho bị cáo Hồ Văn H4 vào để khắc phục hậu quả trong vụ án; xin nhận lại xe ô tô chở rác, nhãn hiệu DEAWOO, biển kiểm soát 51D-121.71:

Đối với kháng cáo đề nghị đưa số tiền 505.900.000 đồng mà bị cáo T đã chuyển cho bị cáo H4 vào để khắc phục hậu quả trong vụ án: Xét thấy đây là số tiền mà bị cáo T thỏa thuận chi trả cho bị cáo H4 để đưa rác thải từ Công ty X vào xử lý tại Công ty B2 thông qua Hợp tác xã M (do bị cáo H4 làm Giám đốc). Như vậy, đây số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo H4 có được từ việc bị cáo T thanh toán tiền xử lý rác trái quy định cho bị cáo H4, không phải số tiền các bị cáo chiếm đoạt, gây thiệt hại trong vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo H4 nộp lại số tiền trên sung quỹ nhà nước là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với xe ô tô chở rác, nhãn hiệu DEAWOO, biển kiểm soát 51D-121.71: Đây là xe ô tô được nhóm của bị cáo T, Công ty X sử dụng để đăng ký chở rác thải sinh hoạt trái quy định từ Công ty X đến Công ty B2 xử lý, đồng thời là xe ô tô được Xí nghiệp C ký hợp đồng để thanh toán phí thuê xe cho Hợp tác xã M, là phương tiện phạm tội trong vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên

tịch thu sung công quỹ Nhà nước xe ô tô nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cở sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về nội dung này.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Quang P về trách nhiệm dân sự; kháng cáo của các bị cáo Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 về phần án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Hồ Quang P kháng cáo cho rằng trước khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo trong vụ án đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại, không trừ ra số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục trước đó.

Xét thấy, hành vi của các bị cáo gây thiệt hại cho Phòng T tổng số tiền 3.174.399.922 đồng, trong đó chi phí xử lý rác đã quyết toán cho Công ty B2 là 2.385.143.567 đồng, chi phí trả tiền thuê xe ô tô vận chuyển rác là 898.224.868 đồng (nhưng bị cáo H4 chỉ mới chiếm đoạt được 139.220.554 đồng, còn 759.004.304 đồng chưa chiếm đoạt được do vụ việc bị phát hiện), gây thiệt hại cho Công ty B2 423.057.525 đồng chi phí xử lý rác chưa được quyết toán. Sau khi vụ án xảy ra, Xí nghiệp C và Công ty B2 đã chủ động nộp hoàn trả cho Phòng T toàn bộ thiệt hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Hồ Văn H4 có trách nhiệm bồi thường cho Xí nghiệp C số tiền chi trả tiền thuê xe ô tô vận chuyển rác thực tế đã nhận 139.220.554 đồng; buộc tất cả các bị cáo Hồ Văn H4, Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Hồ Quang P, Ngô Kiến H1, Thái Huỳnh N2, Nguyễn Lệ H2 và Nguyễn Văn Đ1, Công ty cổ phần X liên đới bồi thường cho Công ty B2 số tiền chi phí xử lý rác tổng cộng 2.808.201.092 đồng là có cơ sở.

Đối với số tiền bị tạm giữ, khắc phục hậu quả của các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Ngô Kiến H1 1.150.000.000 đồng (tạm giữ 500.000.000 đồng và chủ động nộp 650.000.000 đồng); gia đình bị cáo Hồ Văn H4 739.000.000 đồng (239.000.000 đồng + 500.000.000 đồng); bị cáo Nguyễn Lệ H2 45.000.000 đồng; gia đình bị cáo Thái Huỳnh N2 210.000.000 đồng; bị cáo Hồ Quang P 40.000.000 đồng đã được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận đầy đủ, tiếp tục tạm giữ để thi hành án là có cơ sở.

Như vậy, số tiền các bị cáo phải bồi thường và số tiền các bị cáo đã nộp, được tạm giữ để bảo đảm thi hành án đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận đầy đủ.

Tuy nhiên, do các bị cáo cùng có lỗi, gián tiếp hoặc giúp sức cho bị cáo T gây ra thiệt hại nên Bản án sơ thẩm tuyên buộc tất cả các bị cáo và Công ty X cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường Công ty B2 số tiền 2.808.201.092 đồng là có cơ sở, nhưng chưa phân định phần trách nhiệm của từng bị cáo trong nghĩa vụ liên đới để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên đới, quyền, nghĩa vụ giữa những người có nghĩa vụ liên đới, xác định án phí dân sự sơ thẩm. Trong vụ án

bị cáo T (Giám đốc Công ty X) là người trao đổi, thỏa thuận với bị cáo H4 về việc đưa rác của Công ty X đến xử lý tại Công ty B2, đồng thời T là người trực tiếp điều hành, chỉ đạo hoạt động của các bị cáo tại Công ty X, trực tiếp được hưởng lợi từ việc xử lý rác trái quy định thông qua Công ty X. Do đó, cần xác định phần nghĩa vụ của bị cáo T trong nghĩa vụ liên đới là toàn bộ số tiền 2.808.201.092 đồng.

[6.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo Hồ Văn H4, Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Hồ Quang P, Ngô Kiến H1, Thái H, Nguyễn Lệ H2 và Nguyễn Văn Đ1 phải liên đới bồi thường cho Công ty B2 số tiền 2.808.201.092 đồng, buộc các bị cáo liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 88.164.022 đồng là chưa phù hợp và chưa phân hóa trách nhiệm của từng bị cáo.

Tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định:

"Điều 23: Nghĩa vụ chịu án phí trong vụ án hình sự

1. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm trong vụ án hình sự:

g) Trường hợp bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa thì không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã tự nguyện nộp."

Trước khi Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm: Các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Ngô Kiến H1 đã chủ động nộp 650.000.000 đồng để khắc phục hậu quả (ngoài ra các bị cáo còn bị tạm giữ 500.000.000 đồng); bị cáo Nguyễn Lệ H2 45.000.000 đồng, gia đình bị cáo Thái Huỳnh N2 210.000.000 đồng, bị cáo Hồ Quang P 40.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo Hồ Văn H4 nộp 739.000.000 đồng (239.000.000 đồng + 500.000.000 đồng) để khắc phục hậu quả, nộp lại tiền thu lợi bất chính (trong vụ án bị cáo H4 có nghĩa vụ nộp lại số tiền thu lợi bất chính 505.900.000 đồng không phải tiền bồi thường thiệt hại, bị cáo H4 không kháng cáo về án phí). Như vậy, trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường tổng cộng: 650.000.000 đồng + 45.000.000 đồng + 210.000.000 đồng + 40.000.000 đồng + (739.000.000 – 505.900.000) đồng = 1.178.100.000 đồng.

Sau khi cấn trừ số tiền 2.808.201.092 đồng mà các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Công ty B2 với số tiền các bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường thiệt hại thì số tiền dùng làm căn cứ để tính án phí dân sự sơ thẩm là: 2.808.201.092 đồng - 1.178.100.000 đồng = 1.630.101.092 đồng, tương ứng với mức án phí dân sự sơ thẩm là 60.903.033 đồng.

Tuy nhiên, như đã phân định trách nhiệm dân sự tại mục [7.1] và để bảo đảm quá trình thi hành án, Hội đồng xét xử xét thấy cần xác định nghĩa vụ chịu án phí theo phần đối với từng bị cáo mà không tuyên buộc các bị cáo liên đới chịu án phí, cụ thể bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 60.903.033 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 về phần dân sự, án phí dân sự.

[7] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 về phần trách nhiệm dân sự, án phí dân sự sơ thẩm; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 về phần hình phạt; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ về phần xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 750/2025/HS-ST ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm dân sự, án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nhận định trên đây cũng là lập luận của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm, lời bào chữa của luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

[9] Số tiền các bị cáo đã nộp bổ sung tại cấp phúc thẩm sẽ được xem xét trừ vào phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo tại giai đoạn thi hành án:

Bị cáo Ngô Minh Đ và Trần Thị T: 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, theo Biên lai số 0005979 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Hồ Quang P: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), theo Biên lai số 0005362 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ1: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), theo Biên lai số 0005360 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Nguyễn Lệ H2: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), theo Biên lai số 0005361 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[10] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Án phí phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Do bị cáo Ngô Kiến H1 đã rút yêu cầu kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, án phí dân sự sơ thẩm nên các bị cáo Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 348, khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Ngô Kiến H1.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 về phần trách nhiệm dân sự, án phí dân sự sơ thẩm; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 về phần hình phạt; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ về phần xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 750/2025/HS-ST ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm dân sự, án phí dân sự sơ thẩm.

2.1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Hồ Quang P và Ngô Kiến H1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (ở giai đoạn phạm tội chưa đạt); Các bị cáo Nguyễn Lệ H2 và Nguyễn Văn Đ1 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

2.2. Về trách nhiệm hình sự:

2.2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thị T 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2.2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Ngô Minh Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.2.3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Hồ Quang P 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.2.4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 119, 120, 124 của Luật Tư pháp người chưa thành niên;

Xử phạt bị cáo Ngô Kiến H1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tòa tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Kiến H1 cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2.5. Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm b, v, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lệ H2 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.2.6. Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586, 587, 589, 597 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc các bị cáo Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Ngô Kiến H1, Hồ Văn H4, Hồ Quang P, Thái Huỳnh N2, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 và Công ty cổ phần X có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần - số tiền 2.808.201.092 đồng (hai tỷ tám trăm lẻ tám triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm chín mươi hai đồng). Phân định cụ thể số tiền trong nghĩa vụ liên đới: Bị cáo Trần Thị T phải bồi thường 2.808.201.092 đồng (hai tỷ tám trăm lẻ tám triệu hai trăm lẻ một nghìn không trăm chín mươi hai đồng).

- Buộc bị cáo Hồ Văn H4 bồi thường cho Xí nghiệp công trình công cộng thành phố T số tiền 139.220.554 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu hai trăm hai mươi nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng).

- Buộc bị cáo Hồ Văn H4 nộp lại số tiền 505.900.000 đồng (năm trăm lẻ năm triệu chín trăm nghìn đồng) tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

- Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 932/LKB-CSKT-Đ4 ngày 04/9/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để bảo đảm thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền bị tạm giữ, khắc phục hậu quả để đảm bảo việc thi hành án của: Trần Thị T, Ngô Minh Đ, Ngô Kiến H1 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) (trong đó tạm giữ 500.000.000 đồng và chủ động nộp 650.000.000 đồng); gia đình bị cáo Hồ Văn H4 739.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi chín triệu đồng); bị cáo Nguyễn Lệ H2 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng); gia đình bị cáo Thái Huỳnh N2 210.000.000 đồng (hai

trăm mười triệu đồng); bị cáo Hồ Quang P 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

(Theo ủy nhiệm chi ngày 30/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã chuyển số tiền vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) và theo các Biên lai thu tiền số 0000760 ngày 18/4/2025 do Hồ Quang P nộp; Biên lai thu tiền số 0000313 ngày 03/12/2024 do bà Bùi Thùy T5 nộp thay Hồ Văn H4 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh); các Biên lai thu tiền số 0001417 ngày 28/7/2025 do bà Bùi Thùy T5 nộp thay Hồ Văn H4; Biên lai thu tiền số 0009632 ngày 19/11/2025 Hồ Quang P có Phạm Xuân H6 nộp thay; Biên lai thu tiền số 0009633 ngày 19/11/2025 do Ngô Kiến H1 nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố H).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4. Về phần xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đối với xe ô tô chở rác, nhãn hiệu DAEWOO, mang biển kiểm soát 51D-121.71: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe ô tô chở rác, nhãn hiệu DAEWOO, mang biển kiểm soát 51D-121.71, có số khung, số máy không đổi, không phát hiện cất hàn, đục sửa; số khung: KL3K7CEFIGK000954, số máy: DE12TIS653982CA (theo Kết luận giám định số 3208/KL-KTHS, ngày 02/7/2024), không kiểm tra tình trạng hoạt động; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51D-121.71; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô biển số 51D-121.71.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 60.903.033 đồng (sáu mươi triệu chín trăm lẻ ba nghìn không trăm ba mươi ba đồng).

Bị cáo Hồ Văn H4 phải chịu 6.961.028 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm hai mươi tám đồng).

3. Số tiền các bị cáo đã nộp bổ sung tại cấp phúc thẩm sẽ được xem xét trừ vào phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo tại giai đoạn thi hành án, cụ thể:

- Bị cáo Ngô Minh Đ và Trần Thị T: 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, theo Biên lai số 0005979 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo Hồ Quang P: 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, theo Biên lai số 0005362 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ1: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, theo Biên lai số 0005360 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo Nguyễn Lệ H2: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, theo Biên lai số 0005361 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Trần Thị T, Hồ Quang P, Ngô Minh Đ, Nguyễn Lệ H2, Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Đã giải thích quy định về án treo)

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TTG số 2 – CA TP.HCM;
(Tống đạt cho bị cáo (1))
- BCTN (5);
- UBND xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh (1);
- Lưu (10) 35b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn